TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST *Ngày 06 tháng 02 năm 2018* *V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị H

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Si và bà Phạm Thị Mi.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn M - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa: Không tham gia phiên tòa;

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLHNGĐ-ST ngày 29/11/2017 về việc *"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Nh - Sinh năm 1979; (Có mặt)

Nơi Đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn Chiếu, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh,Thanh Hoá;

Địa chỉ nơi công tác: Trường trung học cở sở xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

Bị đơn: Anh Lê Công T - Sinh năm 1977; (Có mặt)

Nơi Đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 3, phố 1, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh,Thanh Hoá;

Địa chỉ nơi công tác: Trường PTTH huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay chị Nh trình bày: Chị và anh Lê Công T về chung sống như vợ chồng với nhau từ ngày 12/12/2005 nhưng không có đăng ký kết hôn, mà chỉ được hai bên gia đình họ hàng tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi về chung sống với nhau chị và anh T có thời gian tìm hiểu và hai người đều tự nguyện về chung sống và không có bên nào bị ép buộc. Sau khi về sống chung chị và anh T sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng sáu năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T tính cách, quan điểm sống không hòa hợp nhau, trong cuộc sống thường hay phát sinh sung đột, anh T nhiều lần chửi bới, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm chị, những lần mâu thuẫn đó chị thường chịu đựng vì thương các con, mặt khác không để ảnh hưởng đến công tác của chị và anh T nên chị bỏ qua để anh, chị có thời gian khắc phục. Mỗi lần chị và anh T sảy ra mâu thuẫn chị có nhờ gia đình nội ngoại khuyên ngăn anh T có hứa sửa chửa nhưng chỉ được thời gian ngắn rồi tính nào tật ấy, anh T ngày càng chửi bới xúc phạm chị nhiều hơn. Thời gian gần đây anh T nghi kỵ chị quan hệ tình cảm ngoài luồng, mâu thuẫn giữa chị và anh T ngày càng trầm trọng, trong cuộc sống không tìm thấy tiếng nói chung, tình cảm hai người mỗi ngày càng lạnh nhạt và không có hạnh phúc. Nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh giải quyết tuyên bố chị và anh T không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung cháu đầu tên là Lê Bảo N, sinh ngày 16/12/2006; hiện nay cháu đang học lớp 6B trường THCS thị trấn Lang Chánh; cháu thứ hai là Lê Công M, sinh ngày 22/01/2010, hiện nay cháu đang học lớp 2 trường tiểu học thị trấn Lang Chánh. Khi Tòa án giải quyết cho chị và anh T chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/12/2017 và các phiên hòa giải anh Lê Công T trình bày: Anh và chị Nh sống chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12/2005, nhưng không đăng ký kết hôn như chị Nh trình bày là đúng, trong thời gian sống

chung hai người thường sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Nh có quan hệ tình cảm ngoài luồng, khi biết việc đó anh có nhắc nhở chị Nh nhiều lần nhưng không được, nay chị Nh làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị Nh không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nh có hai con chung Lê Bảo Ng - Sinh ngày 16/12/2006; Lê Công M – Sinh Ngày 22/01/2010, như chị Nh trình bày là đúng. Nay vợ chồng ly hôn, chị Nh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Ng và cháu M, anh không đồng ý. Anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lê Bảo Ng cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Công M cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh là giáo viên trường phổ thông trung học huyện Lang chánh, thu nhập hàng tháng từ lương của anh ổn định, đảm bảo được cuộc sống bình thường cho anh và cháu nhỏ. Nếu vợ chồng không chung sống với nhau nữa, anh về trường trung học phổ thông nơi anh công tác và nhà trường sẽ có nhà công vụ cho anh ở. Vì vậy anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Để chứng minh cho ý kiến của mình, chị Nh đã nộp Trích lục khai sinh của cháu Lê Bảo Ng và lê Công M để làm căn cứ. Anh T đã giao nộp Văn bản trình bày ý kiến của Lê Công T đề ngày 15/12/2017;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*;

[2] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Nh, anh T, trước khi về chung sống với nhau, anh chị đã có thời gian tìm hiểu và hai người đều tự nguyện về chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn mà chỉ được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Xét về mọi điều kiện cả chị Nh và anh T đều có đầy đủ năng lực nhận thức và hiểu biết về pháp luật nhưng anh chị không đến cơ quan có

thẩm quyền để đăng ký kết hôn, nên căn cứ Điều 14 Luật HN&GĐ không công nhận chị Nh và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Nh, anh T thì anh Chị có hai con chung là cháu Lê Bảo Ng - Sinh ngày 16/12/2006; Lê Công M – Sinh Ngày 22/01/2010, chị Nh đã giao nộp Trích lục khai sinh của hai cháu đủ cơ sở xác định: Cháu Lê Bảo Ng - Sinh ngày 16/12/2006; Lê Công M – Sinh Ngày 22/01/2010 là con chung của chị Nh, anh T.

[4] Xét nguyện vọng của chị Nh được trực tiếp nuôi cả hai con chung là cháu Lê Bảo Ng và cháu lê Công M và chị có đủ kinh tế để nuôi hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Xét về nguyện vọng của anh T, anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê công M, giao chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo Ng. Cả anh và chị Nh không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành hòa giải về phần giao nuôi con nhưng cả chị Nh và anh T không thỏa thuận được. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Nh anh T đều thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng .

[6] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Chị Nh, anh T thỏa thuận được việc nuôi con không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận việc thỏa thuận của chị Nh, anh T; giao cả hai con chung cho Chị Nh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cháu lê Bảo Ng, Sinh ngày 16/12/2006; Lê Công M – Sinh Ngày 22/01/2010 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh là không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

[8] Về tài sản: Chị Nh, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[7] Về án phí: Chị Nh phải nộp tiền án phí DSST việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 14, 15, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147của BLTTDS. Điểm a, Khoản 1 Điều 24; Điểm a, Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Nh.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Nhn và anh Lê Công T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Nhi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lê Bảo Ng, Sinh ngày 16/12/2006; Lê Công M, Sinh Ngày 22/01/2010 cho đến khi trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh là không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.00đ (Ba trăm nghìn đồng)nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005693 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lang Chánh.

Chấp nhận chị Nh đã nộp đủ.

Chị Nh, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- Các Đương sự
- VKSND huyện Lang Chánh
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS huyện Lang Chánh

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Trương Thị H